

(Đề gồm có 2 trang)

MÃ ĐỀ :604

Họ và tên học sinh:.....Số báo danh:.....Lớp.....

A/TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1. Ngành nào đòi hỏi nhiều chất xám nhất trong các ngành sau ?

- A. Chế biến dầu mỏ. B. Sản xuất phần mềm. C. Chế biến thực phẩm .D. Luyện kim màu.

Câu 2. Ở Việt Nam , vùng sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu do nước biển dâng là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Tây Nguyên.

Câu 3. Toàn cầu hóa kinh tế, bên cạnh những mặt thuận lợi, còn có những mặt trái , đặc biệt là

- A. Cạnh tranh quyết liệt giữa các quốc gia. B. Các nước phải phụ thuộc lẫn nhau.
C. Nguy cơ thất nghiệp, mất việc làm ngày càng tăng.D. Gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.

Câu 4. Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra chủ yếu ở

- A. khu vực châu Phi. B. các nước đang phát triển
C. các nước phát triển. D. các nước công nghiệp mới.

Câu 5. Cho bảng số liệu :Cơ cấu GDP phân theo khu vực của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a năm 2013

(Đơn vị %)

Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Thụy Điển	1,4	25,9	72,7
Ê-ti-ô-pi-a	45,0	11,9	43,1

Nhận xét nào sau đây không đúng ?

- A. Khu vực III của Thụy Điển có tỉ trọng cao.
B. Cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a có sự chênh lệch.
C. Khu vực I của Thụy Điển có tỉ trọng rất thấp.
D. Cơ cấu GDP của Thụy Điển đặc trưng cho nhóm nước đang phát triển.

Câu 6. Tây Nam Á có nguồn dầu khí tập trung nhiều ở khu vực

- A. Ven vịnh Pecxich B. Ven biển Caxpi. C. Phía Tây. D. Phía Đông.

Câu 7. Ý nào sau đây không phải là biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước phát triển ?

- A. Chỉ số phát triển con người ở mức cao. B. Dân số đông và tăng nhanh.
C. GDP bình quân đầu người cao. D. Đầu tư nước ngoài nhiều.

Câu 8. Để bảo vệ động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng cần

- A. Tuyệt đối không được khai thác. B. Tăng cường nuôi trồng.
C. Đưa vào Sách đỏ bảo vệ. D. Đưa chúng đến các vườn thú công viên.

Câu 9. Dân cư nhiều nước Mỹ La Tinh còn nghèo đói không phải là do

- A. tình hình chính trị không ổn định. B. hạn chế về điều kiện tự nhiên và nguồn lao động.
C. phụ thuộc vào các công ti tư bản nước ngoài. D. phần lớn người dân không có đất canh tác.

Câu 10. Dân số châu Phi tăng rất nhanh là do

- A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao. B. tỉ suất gia tăng cơ giới lớn.

C. quy mô dân số đông nhất thế giới.

D. tỉ suất thô rất thấp.

Câu 11. Tiêu cực của quá trình khu vực hóa đòi hỏi các quốc gia

A. tự do hóa thương mại toàn cầu.

B. thúc đẩy kinh tế chậm phát triển.

C. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế.

D. tự chủ về kinh tế, quyền lực

Câu 12. Nguyên nhân nào làm cho Tây Nam Á và Trung Á trở thành nơi cạnh tranh của nhiều cường quốc?

A. Là nơi có nhiều tôn giáo.

B. Tồn tại nền văn minh cổ đại rực rỡ.

C. Có nguồn dầu mỏ dồi dào.

D. Có vị trí địa - chính trị quan trọng.

Câu 13. Cho bảng số liệu:

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản
Số dân (triệu người)	507,9	318,9	127,1
GDP (tỉ USD)	18517	17348	4596
Tỉ trọng xuất khẩu trong GDP(%)	42,7	13,5	17,7
Tỉ trọng nhập khẩu trong GDP(%)	33,5	9,8	3,6

Biểu hiện nào chứng tỏ EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới ?

A. Số dân đạt 507,9 triệu người.

B. Số dân gấp 1,6 lần Hoa Kỳ.

C. GDP vượt Hoa Kỳ và chiếm 33,5% trong giá trị xuất khẩu thế giới.

D. Số dân gấp 4,0 lần Nhật Bản.

Cho bảng số liệu: Số dân của Hoa Kỳ qua các năm (trả lời câu 14 và 15)

Năm	1800	1820	1840	1860	1880	1900	1940	1960	1980	2005	2015
Số dân	5	10	17	31	50	76	132	179	229.6	296.5	321.8

Câu 14. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động của dân số Hoa Kỳ trong giai đoạn 1800 – 2015 là

A. Biểu đồ thanh ngang.

B. Biểu đồ miền.

C. Biểu đồ đường

D. Biểu đồ tròn.

Câu 15. Giả sử tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ giai đoạn 2015 -2020 là 0,7% thì dân số Hoa Kỳ 2018 là bao nhiêu ?

A. 325,6 triệu người.

B. 323,7 triệu người.

C. 329,5 triệu người.

D. 328,6 triệu người.

B/TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1. Cho bảng số liệu sau : Giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 1995 – 2014

Đơn vị : tỉ USD

Năm	1995	2005	2010	2014
Xuất khẩu	1093,2	1305,1	1852,3	2341,9
Nhập khẩu	1475,3	2027,8	2365,0	2871,9

(Nguồn : Niên giám thống kê thế giới, NXB Thống kê 2016)

a. Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu , giá trị nhập khẩu.

b. Tính cán cân xuất nhập khẩu.

c. Nhận xét tình hình xuất nhập khẩu , giải thích về cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ trong giai đoạn trên.

Câu 2. Trình bày nội dung của việc thiết lập thị trường chung châu Âu và ý nghĩa.

Câu 3 . Vì sao các nước EU phát triển các liên kết vùng ?

-----Hết -----

